

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/ HSST
Ngày: 31-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tùng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Đoàn Hùng**
Ông **Nguyễn Văn Vệ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Thủy Tiên** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Văn Lượng** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C có mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 21/7/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Phước L (Mây)**.

- Sinh ngày 07 tháng 11 năm 1989;

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 398, tổ 14, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chỗ ở: số 398, tổ 14, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Nghề nghiệp: làm thuê;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

- Trình độ học vấn: 7/12; Đảng, đoàn thể: không có.

- Họ và tên cha: **Đỗ Văn L**; Sinh năm 1955 (chết).

- Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị L**; Sinh năm 1962.

- Họ và tên vợ: **Huỳnh Thị Trúc L**; Sinh năm 1989.

- Bắt tạm giam ngày 12/5/2017;

- Tiền sự: Ngày 30/9/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố C tuyên buộc đưa đi cai nghiện bắt buộc 18 tháng; Tạm đình chỉ cai nghiện ngày 12/5/2017.

- Tiền án: Không;

- Nhân thân: Ngày 21/8/2008 bị bắt về hành vi “cướp giật tài sản”, ngày 01/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 06 năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 62/2009/HSST, chấp hành án đến ngày 31/8/2011 được đặc xá tha tù trước thời hạn (03 năm) và bị can đã chấp hành xong các khoản về án phí.

Người bào chữa cho bị cáo **Đỗ Phước L** là luật sư **Phạm Hoàng Đ-** Công ty luật hợp danh A.

* Người bị hại: Đồng Thị C, sinh năm 1983.
Địa chỉ: tổ 24, khóm M, phường P, thành phố C, Đồng Tháp.
Bị hại có mặt tại phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Đỗ Phước L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 03/3/2017, Đỗ Phước L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 53R5-5314 đến nhà trọ “Trung N” thuộc tổ 24, khóm M, phường P, thành phố C, Đồng Tháp để tìm người bạn tên Hồ Văn S. Khi đến nhà trọ, L dựng xe mô tô trước cửa rồi đi vào nhà trọ, sau khi đến phòng tìm không gặp anh S thì L đi trở ra. Trong lúc đi ra cửa L nhìn vào phòng trọ số 01 (do cửa phòng không đóng), thấy chị Đồng Thị C đang nằm ngủ trên giường, điện thoại di động của chị C đang cắm sạc để cạnh bên người chị C. L nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại bán tiêu xài nên lén lút bước vào phòng gỡ chui sạc lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải. Chị C thức giấc phát hiện bị mất điện thoại và truy hô nên L dùng tay xô chị C ngã xuống giường rồi chạy ra ngoài lên xe định nổ máy tẩu thoát. Chị C chạy theo dùng tay kéo cổ áo L thì L vùng vẫy kéo tay chị C ra đồng thời dùng chân đạp xe trúng vào người chị C rồi buông xe bỏ chạy, làm xe ngã đè lên người chị C. Khi chạy khỏi hiện trường, L điện thoại nhờ một người nam tên M không rõ nhân thân là bạn của L đến chở L đi lẩn trốn.

Do điện thoại di động của chị C cài đặt mở khóa bằng dấu vân tay, nên không mở khóa được, đồng thời L nghĩ rằng do đã bị phát hiện, nếu đem đi bán sẽ không bán được điện thoại mà còn có thể bị bắt nên L nhờ bạn gái tên Hồ Mộng T đem điện thoại di động vừa trộm được giao nộp lại cho Công an phường M, thành phố C vào ngày 03/3/2017.

Tại hiện trường vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 53L5-5314; 01 đôi dép và 01 cây kiềm bấm. L cho rằng đôi dép là của L, cây kiềm bấm là do L nhặt được để trên xe và xe mô tô là xe của M là bạn của L và L không yêu cầu nhận lại đôi dép, cây kiềm bấm cũng như xe mô tô vì xe trên không có giấy chứng nhận đăng ký và đôi dép cùng cây kiềm không còn giá trị sử dụng. Qua nhận dạng L đã xác nhận chính xác xe mô tô, đôi dép do L mang theo và bỏ lại hiện trường.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 28/BB.ĐGTS ngày 13/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu Samsung Galaxy S7 Edge, IMEI: 345.737.080.345.225 (đã qua sử dụng) trị giá 13.000.000 đồng.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 83/TgT-TTPY ngày 23/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp thể hiện: chị Đồng Thị C bị xây xát da mặt trong khuỷu tay trái kích thước 02 cm x 01 cm lành tốt; xây xát da gối

trái kích thước 03 cm x 01 cm lành tốt; Bầm tụ máu gò trái kích thước 01 cm x 01 cm; Bầm tụ máu cẳng chân phải kích thước 07 cm x 06 cm; Bầm tụ máu chân trái kích thước 13 cm x 07 cm; Sẹo bồng 1/3 dưới cẳng chân phải kích thước 04 cm x 03 cm sẹo lành; Vùng bụng, vùng mạn sườn trái, mặt ngoài đùi khớp háng trái cách gò trái 10 cm, đùi trái không dấu vết thương tích. Kết luận: xây xát da khuỷu tay trái, gò trái; Sẹo bồng 1/3 dưới cẳng chân phải; đa chấn thương phần mềm không thấy dấu vết thương tích không cho tỷ lệ phần trăm. Tỷ lệ thương tật 3% (ba phần trăm) tại thời điểm giám định.

Đối với xe mô tô cơ quan điều tra đã thu giữ, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân của người nam tên M, đồng thời thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có người đến nhận. Theo kết luận giám định số 218/KL-KTHS ngày 30/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Xe mô tô, màu sơn xanh, biển số 53R5-5314 gửi đến giám định có số, ký tự khung trước và sau giám định không thay đổi; số, ký tự máy bị tẩy xóa, đóng lại. Cụ thể: số , ký tự khung trước và sau giám định không thay đổi: VHCWCB052HC003578; Số ký tự máy: bị tẩy xóa, đóng lại.

Đối với điện thoại di động của chị C bị L chiếm đoạt, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố C đã trao trả lại cho chị C vào ngày 03/4/2017. Chị C không yêu cầu L bồi thường thiệt hại về tài sản và cũng không yêu cầu xử lý L về hành vi xâm phạm đến sức khỏe bị xâm hại.

Trước Cơ quan điều tra Đỗ Phước L lúc thừa nhận, lúc không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng trong quá trình truy tố Đỗ Phước L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đỗ Phước L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời khai bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Từ các diễn biến sự việc nêu trên và lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ nguyên cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 20/7/2017 và truy tố **Đỗ Phước L** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đỗ Phước L đã nhìn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Chính bị cáo L do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 13 giờ 30 ngày 03/3/2017 Đỗ Phước L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Đồng Thị C một điện thoại di động trị giá 13.000.000 đồng tại nhà trọ

“Trung N” thuộc tổ 24, xóm M, phường P, thành phố C, Đồng Tháp. Khi bị phát hiện và bắt giữ L đã có hành vi hành hung đối với chị C nhằm tẩu thoát, từ đó dẫn đến chị C bị thương tích 3% tại thời điểm giám định.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo là có tội và đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

1/ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2/ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

....

đ/ Hành hung để tẩu thoát.

Bị cáo Đỗ Phước L là đối tượng còn trẻ, có sức khỏe để lao động nhưng không lo chí thú làm ăn lương thiện để nuôi sống bản thân, ngược lại do bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có được nhiều tiền để tiêu xài cho thỏa thích nên đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xong, khi bị hại phát hiện bị cáo lại tiếp tục có hành vi dùng vũ lực để hành hung tẩu thoát nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án, nên việc Tòa án đưa bị cáo ra xét xử ngày hôm nay là việc làm cần thiết nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Đã giao tài sản nộp lại cho cơ quan Công an trước khi bị phát hiện để trả lại cho bị hại (khắc phục hậu quả xong), được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bác của bị cáo là liệt sĩ. Do đó, cần áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo phần nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 138; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Phước L với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

+ Về hình phạt bổ sung: không yêu cầu áp dụng
+ Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị như kết luận của cáo trạng đã nêu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đỗ Phước L phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo và viện dẫn các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát và Luật sư là phù hợp nên chấp nhận.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Tài sản bị mất trả lại cho bị hại xong. Tại cơ quan điều tra bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại cũng không có ý kiến hay yêu cầu về phần dân sự. Do đó, không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

* **Về vật chứng:**

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 53L5-5314; số, ký tự khung là: VHCWCB052HC003578 là phương tiện để bị cáo gây án nên cần xem xét tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước sau khi hết thời hạn thông báo truy tìm chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với 01 cây kiếm bắm và 01 đôi dép do bị cáo không nhận lại và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

* **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 20 và khoản 1 Điều 22 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Phước L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** Bị cáo **Đỗ Phước L** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 138, điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo **Đỗ Phước L** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 12/5/2017.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Đã xử lý xong nên không đặt vấn đề xử lý.

* **Về vật chứng:** *Áp dụng điểm a và b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:*

- Tịch thu xe mô tô biển số 53R5-5314; số, ký tự khung là: VHCWCB052HC003578 (sau khi hết thời hạn thông báo truy tìm chủ sở hữu theo quy định)

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây kiếm bắm và 01 đôi dép do bị can không nhận lại và không có giá trị sử dụng.

- **Án phí:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội
Buộc bị cáo Đỗ Phước L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng người bị hại vắng mặt khi tuyên án được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. C;
- CA TP. C;
- THADS TP. C;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA.

Phạm Minh Tùng